

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 151/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hồng Phụng.

Bà Lê Thị Ánh Sáng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Trọng Minh**– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hoàng N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Nguyên T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh Nguyễn Nguyên T xây dựng gia đình vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống với nhau tại xã Long Đức đến tháng 9 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh T là không hợp, không hoà đồng trong cuộc sống. Từ tháng 9 năm 2019 chị N không còn chung sống với anh T và không còn quan tâm gì đến anh T nữa.

Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Nguyên T không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Nguyên T.

Về con chung: chị và anh T có một con chung tên Nguyễn K, sinh ngày: 29/8/2016.

Hiện cháu Khôi do anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị yêu cầu giao con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Nguyên T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị Nguyễn Thị Hoàng N xây dựng gia đình vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị N phát sinh mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2019. Anh không đồng ý ly hôn với chị N vì còn tình cảm.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung tên Nguyễn K, sinh ngày: 29/8/2016.

Hiện cháu Khôi do anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khôi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Nguyên T, anh T không đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Nguyễn K, sinh ngày: 29/8/2016.

Chị N và anh T đều thống nhất, anh T nuôi con, chị N không cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị N. Xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Nguyên T.

Con chung: Nguyễn K, sinh ngày: 29/8/2016.

Chị N và anh T đều thống nhất, anh T nuôi con, chị N không cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị Hoàng N và anh Nguyễn Nguyên T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ, niêm yết tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án khi xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N và anh T.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2017 ngày 11/10/2017 do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Chị N cho rằng vợ chồng chung sống đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp, không hoà đồng trong cuộc sống, thường cãi nhau không còn tiền nói chung. Từ tháng 9 năm 2019 chị N không còn chung sống với anh T và không còn quan tâm gì đến anh T nữa. Chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Anh T cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị N phát sinh mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2019. Chị N xin ly hôn anh T không đồng ý vì còn tình cảm với chị N.

Như vậy, chị N đối với anh T không còn tình nghĩa vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị N và anh T.

[2]. Về con chung: Nguyễn K, sinh ngày: 29/8/2016. Hiện nay đang sống với anh Nguyễn Nguyên T.

Chị N yêu cầu anh T là người tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khôi và không cấp dưỡng nuôi con. Anh T xin được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Nên ghi nhận việc thỏa thuận nuôi con giữa chị N và anh T.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự đều trình bày không có nên không xem xét.

[4]. Nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng N. Xử cho chị Nguyễn Thị Hoàng N được ly hôn với anh Nguyễn Nguyên T.

Về con chung: Anh T được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn K, sinh ngày: 29/8/2016. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0003433 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị N và bị đơn anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoãn Thị Hằng

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN**